

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐƯỢC XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẬM NỘP, TIỀN CHẬM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 291 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum
(Quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14)

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
	Tổng cộng:	544	1,672,952,494
1	Văn phòng Cục thuế	3	13,670,936
I	Doanh nghiệp, tổ chức	3	13,670,936
1	Chi nhánh Công ty TNHH Phú cường	4400296214-001	2,476,055
2	CN Công ty dịch vụ XNK cà phê II Tại Kon tum	4200263885-007	2,686,000
3	Công ty TNHH Tài Tiến	6100223924	8,508,881
2	Chi cục Thuế thành phố Kon Tum	313	1,517,793,717
I	Doanh nghiệp, tổ chức	35	933,599,868
1	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thành Dũng Kon Tum	6101162777	91,200
2	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vĩnh Định Đông	6101170880	2,606,589
3	CÔNG TY TNHH MTV HOÀNG BẢO TÂY NGUYÊN	6101227431	778,662
4	Công ty TNHH một thành viên Hải Thành	6100290159	6,847,427
5	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hải Tài Kon Tum	6101171034	826,962
6	Công ty TNHH MTV Phú Đạt	6100239667	82,868,014
7	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hoàng Đạt	6100189871	18,508,813
8	Công Ty TNHH Mtv Kotico	6101159647	10,963,260
9	Công ty TNHH một thành viên Tiến Vinh	6100463210	137,501,492

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
10	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Đồng Khánh Kon Tum	6100233344	59,645,001
11	Công Ty TNHH Minh Thịnh Kon Tum	6101188937	1,275,650
12	CÔNG TY TNHH MTV HOẠT CHẤT THIÊN NHIÊN TIỀN SỬ	6101223476	529,200
13	DNTN Hồng Ngọc	6100236320	3,733,556
14	Công ty TNHH một thành viên Ba Vi	6100491056	2,883,104
15	Công Ty TNHH Một Thành Viên Nam Bình	6100613681	337,750
16	Công ty TNHH một thành viên Hòa Phong	6100760742	13,342,220
17	CÔNG TY TNHH TUẤN ĐẠI AN KT	6101213943	1,040,700
18	Trường Mầm non tư thực Đồ Rê Mí	6101206488	155,100
19	Công Ty TNHH Một Thành Viên Hữu Hậu Kon Tum	6100991644	7,986,013
20	Xí nghiệp Địa Chính Phương Minh	6100200490	1,620,200
21	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Đông Á S	6101168384	633,792
22	Công Ty TNHH Một Thành Viên Kiến Quốc Kon Tum	6101174363	529,200
23	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hoàng An	6100191158	27,483,511
24	Công Ty TNHH Một Thành Viên Minh Thi Kon Tum	6101030996	163,478,536
25	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Tân Đạt Kon Tum	6101044565	10,918,383
26	Công Ty TNHH Một Thành Viên Bùi Lợi	6101145651	13,765,273
27	DNTN sản xuất và thương mại Lợi Nông Kon Tum	6101167824	3,941,954
28	Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình	6100225336	3,880,198
29	Doanh nghiệp tư nhân Việt trung	6100112043	236,680,359
30	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Hà Thủy My	6101081856	4,724,402

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
31	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đắk Mộc	6101178706	905,177
32	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên An Phú Thịnh Nt	6101167140	3,911,255
33	Công Ty TNHH Mtv Tùng Dương Kon Tum	6100201889	11,502,316
34	Công ty TNHH một thành viên Hoàng Phú	6100595785	10,758,848
35	Công Ty TNHH Một Thành Viên Mùa Vàng Kon Tum	6101158876	86,945,751
II	Cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh	278	584,193,849
1	Phạm Công Bình	6100189247	11,218,961
2	Nguyễn Thị Thanh	6100167638	7,783,209
3	Chu Thị Xuân	6100259568	5,709,200
4	Ngô Thị Kim Liên	8029207509	2,719,772
5	Quách Trí Nhựt	6101129321	3,623,485
6	Võ Thị Ngọc Thuận	6100365830	1,855,817
7	Phạm Thị Thủy	8316654028	873,030
8	Lê Mỹ Loan	6100209398	1,152,856
9	Hoàng Thị Minh	6100816353	1,058,456
10	Nguyễn Thị Bình Nghi	6100832531	922,635
11	Đỗ Huy Hoàng	6100412689	726,050
12	Lê Quang Phi	6100307846	636,300
13	Ngô Hợi	6100113110	860,387
14	Nguyễn Văn Tuấn	6100267456	559,944
15	Nguyễn Thị Thanh Vân	6101195155	416,031

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
16	Hoàng Xuân Thảo	6101209369	290,328
17	Nguyễn Thị Phương	6100113054	383,827
18	Tăng Thị Lý	6101196871	153,944
19	Vũ Ngọc Linh	6100189222	288,315
20	Nguyễn Văn Mạnh	6101118464	190,890
21	Nguyễn Chí Sơn	6100557282	13,183
22	Nguyễn Thị Hồng Thủy	6100227171	5,235,231
23	Lê Thị Hòa	6100428248	1,426,300
24	Nguyễn Thị Hương	6101166965	1,372,606
25	Nguyễn Thị Dương	3300761339	447,050
26	Lê Thị Hoa	6100152529	288,623
27	Trương Tấn Nam	6100209888	141,133
28	Ngô Bích Lua	6100179217	31,052
29	Trần Trí Trinh	6100221155	429,945
30	Đỗ Thị út Hạnh	6100250822	1,348,956
31	Bạch Hồng Quý	6100250854	484,870
32	Phạm Nguyễn Quốc Huy	6100241916	2,427,484
33	Nguyễn Đăng Lâm	6100242469	954,450
34	Đồng Thị Thu Trang	6100254520	810,642
35	Nguyễn Thị Tổ Loan	6100268410	764,126
36	Nguyễn Minh Hoàng	6100271011	388,371

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
37	Trần Trung Thành	6100376134	1,874,912
38	Nguyễn Thị Bình	6100530932	525,588
39	Lê Văn Hồng	6100713157	1,532,891
40	Nguyễn Văn Điền	6101243338	610,856
41	Trần Vũ Ngọc	6101234083	309,603
42	Vũ Văn Kha	8233905736	281,912
43	Nguyễn Thị Thu Thủy	6101235707	66,285
44	Nguyễn Sỹ Hiếu	6100831834	1,149,869
45	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	6100991683	1,369,946
46	Hà Thị Dương	6101007242	1,025,375
47	Đặng Thị Bích Liên	6101166940	6,756,228
48	Lâm Thị Phương Thảo	6101165785	139,986
49	Tô Thị Như Ngọc	6101170545	379,530
50	Vũ Thị Mai	6101175039	1,333,710
51	Phan Văn Thắng	6101176240	838,755
52	Vũ Thị Lư	6101180102	1,503,128
53	Từ Cao Khoa	6100456196	1,218,830
54	Nguyễn Chế Dương	5900875966	839,875
55	Hoàng Thị Thu Trang	6100597373	763,560
56	Nguyễn Hồng Cường	6101187002	805,862
57	Trần Thanh Tài	6100168279	521,657

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
58	Nguyễn Thị Phương	6100208919	51,722
59	Nguyễn Văn Sanh	6100210611	381,896
60	Trần Đức Tài	6100224607	668,135
61	Phùng Sơn	6100191084	420,725
62	Lã Thị Hiền	6100220994	2,966,727
63	Lâm Cung Phụng	6100157414	387,581
64	Huỳnh Hữu Hậu	6100336773	6,788,494
65	Trần Thị Mỹ Trinh	6100279719	1,718,010
66	Nguyễn Đức Trung	6100208556	9,812,202
67	Lê Thị Thu Nguyệt	6101142883	43,519
68	Nguyễn Xuân Hân	6101161886	477,225
69	Võ Thị Thanh Nguyệt	6101170552	3,727,800
70	Nguyễn Thị Thu	6101165915	63,630
71	Nguyễn Thị Dung	6100997251	683,609
72	Lưu Thị Bích Trâm	6101058215	2,774,970
73	La Tú Lan	6101192186	3,185,590
74	Đỗ Thị Thu	8055649535	735,396
75	Võ Mạnh Tuấn	6101125623	382,364
76	Trần Văn Trường	8239786549	550,840
77	Nguyễn Văn Định	8102134448	479,708
78	Trần Thị Hòa	6101221359	1,062,350

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
79	Mai Xuân Ngo	6100208595	2,428,031
80	Hoàng Thị Hương	8047462163	227,124
81	Trương Thị Thanh Tú	6100601911	4,126,533
82	Lương Văn Hiền	6100818745	286,335
83	Lê Thị Hoàng Trâm	6101165136	218,130
84	Trần Thị Hồng Đông	6100268749	1,431,675
85	Nguyễn Lập Công	6100360342	14,220,261
86	Vũ Thị Doan	6101177692	12,080,001
87	Hồ Thị Thu Hương	6100152656	16,187,001
88	Bùi Thị Hương	6100135756	18,711,269
89	Nguyễn Thị Thu Lê	6100135361	13,141,624
90	Dương Tấn Đại	6100254270	11,221,356
91	Trương Thị Tuyết Phượng	6100514842	10,913,990
92	Lê Thị Liên	6100107043	9,085,976
93	Nguyễn Thị Mai Thảo	6100234813	2,858,612
94	Đinh Thanh Hiền	6100235341	5,535,810
95	Nguyễn Thanh Tuyền	6101196790	4,435,856
96	Mai Nguyễn Lâm Thoại	6100191574	3,410,137
97	Lê văn Nhon	6100100312	4,717,330
98	Lê Quang Cường	6100225833	3,453,261
99	Vũ Thành Long	6101161678	2,734,034

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
100	Đặng thị Thu Thảo	8079498589	3,352,365
101	Lâm Thị Tùng	6100241909	3,656,041
102	Trần Thùy Miên	6100214493	3,340,593
103	Nguyễn Đại Hiệp	6101235256	1,331,658
104	Nguyễn Thị Nhân	6100159901	3,302,397
105	Nguyễn Hải Huy	6101203335	1,534,295
106	Huỳnh Thị Phương Linh	6100235334	2,755,278
107	Nguyễn Thê Phương	8277558977	2,363,914
108	Nguyễn Thị In	6101229252	865,905
109	Vũ Thị Phúc	6100780146	1,909,113
110	Nguyễn Thị Lan	6100254707	2,908,640
111	Lê thi Kim Cúc	6100105127	2,375,062
112	Phan Thị Phương Linh	6100152286	5,196,267
113	Phạm Đình Phương	6100105374	2,056,123
114	Trần thị Xuân	6100104927	2,136,949
115	Tổng Thi Huệ	6100105575	1,926,465
116	Nguyễn Thị Liên	8166405767	285,044
117	Phạm Thị Hiền	8331603363	1,568,205
118	Lê Mỹ Loan	6101036229	1,673,714
119	Phạm Kỳ Thoại	6100245660	1,813,455
120	Võ Thị Trà My	6100915749	947,028

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
121	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	6100177925	1,789,562
122	Võ Thái Hiền	6101119002	1,744,914
123	Nguyễn Tấn Hùng	6100214729	1,995,790
124	Trần Thị Hồng Vân	6100707467	659,962
125	Nguyễn Thị Kim Quang	6100296954	1,527,120
126	Đinh Phước Định Hùng	6100779694	1,530,049
127	Nguyễn Thị Hoà	6100101570	1,951,488
128	Nguyễn văn Anh	6100208901	1,485,506
129	Nguyễn Thị Gương	6100597302	1,701,005
130	Nguyễn gia Minh	6100103715	1,431,675
131	Trần Đình Chiến	6100102616	1,784,925
132	Ngô Bá Hiệp	6100440069	1,281,769
133	Phạm Ngọc Phòng	6101158308	1,211,596
134	Phùng Hoa tiên	6100149357	1,094,436
135	Nguyễn Thị Minh Nguyên	6101190238	912,014
136	Nguyễn Văn Minh	6100466451	1,018,080
137	Đào Thanh Phương	6100214260	1,000,273
138	Nguyễn Đăng Nhật	6100238825	708,622
139	Nguyễn Thị Minh Lương	6100106811	994,674
140	Phan văn Quân	6100168342	865,368
141	Đỗ Thị Lâm	6100163249	859,005

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
142	Nguyễn Thị Hoa	6100384985	523,524
143	Nguyễn Văn Tây	6100198202	824,651
144	Nguyễn Thị Thu Hiệp	6100217455	757,201
145	Hồ Tăng	6100246858	699,930
146	Hoàng Trọng Đức	6100155625	709,940
147	Trần Ngọc Đức	6100225230	636,318
148	Phạm Thị Can	6100156523	636,300
149	Trần Thanh Long	6100156604	636,300
150	Châu Kiều An	6100214870	636,300
151	Nguyễn Thị Hồng Duyên	6100446261	599,633
152	Võ Thanh Lưu	6100100288	549,759
153	Mai Kim Tài	6100596651	509,040
154	Nguyễn Thị Tuyết Anh	6100228295	1,264,059
155	Phan Chí Dũng	6100184908	477,225
156	Nguyễn Thị Xuân	6100155569	434,140
157	Đinh Thị Thủy	6100849775	421,819
158	Nguyễn Văn Hiếu	6100237349	438,736
159	Nguyễn Thị Huyền	6100220715	381,780
160	Nguyễn Gia Hà	6100216109	343,602
161	Lê Xuân Hùng	8301503756	218,790
162	Đỗ Đăng Vinh	6100178100	318,150

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
163	Trần Đăng Khoa	6100229732	318,150
164	Ngô Thị Hoa	6101244469	118,639
165	Hồ Thị Thanh Lý	6100268033	318,750
166	Nguyễn Thị Chiên	6100243141	284,759
167	Nguyễn Quốc Việt	8340193811	117,411
168	Lê Hữu Tài	6100508091	153,990
169	Trần văn Thành	6101172983	440,201
170	Đặng Trung Tuấn	8438373835	32,850
171	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	6100163305	314,297
172	Phạm Quốc Thái	6100212746	169,199
173	Nguyễn Thị Hằng Nga	6100107212	156,485
174	Nguyễn Thị Hương	6100103578	298,225
175	Nguyễn Thị Hồng Vân	6101198244	278,052
176	Phan Minh Thông	6100140587	136,361
177	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	6100335258	230,880
178	Nguyễn Vi	6100228217	141,311
179	Lê Thị Nhì	6100178132	52,500
180	Trương Thị Oanh	6100975272	72,388
181	Hà văn Đệ	6101169074	64,049
182	Nguyễn Thị Ngọc	6100102366	58,627
183	Ngô Ngọc Hà	6101196769	36,998

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
184	Đặng Thị Thanh Hà	6100915844	2,279,157
185	Võ Thị Triều Tiên	6100200645	770,495
186	Đinh Hữu Hoàng	6100219741	173,212
187	Bùi Thị Thùy Linh	8322316901	144,628
188	Nguyễn Ngọc Nga	6100215994	50,750,965
189	Trần Thuý Hà	6100214831	580,829
190	Trịnh Thị Thu Giang	6101246392	149,400
191	Tạ Ngọc Tấn	8167535303	55,561
192	Đỗ Hữu Hùng	8180405342	304,560
193	Phan Hữu Minh Nhật	8432803707	131,502
194	Ngô Đức Tuấn	6100768318	1,156,684
195	Lê Thị Mỹ Châu	6101219864	1,211,604
196	Trần Thị Qua	6101247212	72,414
197	Nguyễn Đình Vũ	6100585716	18,542,657
198	Nguyễn Văn Tú	6101158192	13,984,912
199	Nguyễn Hoàng Linh	6101006464	4,011,153
200	Phan Hồng Phú	8120989460	4,822,017
201	Phạm Ngọc Tiễn	6100227580	4,646,022
202	Nguyễn Thị Gái	6100252234	4,403,801
203	Nguyễn Trí Hoàng	6101191351	3,449,800
204	Nguyễn Thị Hải	6100411893	3,308,181

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
205	Dương Thanh Hùng	6101185213	2,744,884
206	Trần Văn Tiến	6101014514	1,371,907
207	Đặng Thị Ngọc Trang	6100236465	1,374,416
208	Nguyễn Thị Mai Trâm	6100343724	1,215,027
209	Nguyễn Tuấn Kiệt	6100992334	1,113,525
210	Hồ Thị Thiên Hương	6101064096	636,300
211	Lương Minh Sơn	6100204576	1,358,873
212	Ao Bích Vân	6100860585	513,874
213	Cao Minh Thành	8079498902	443,609
214	Nguyễn Thị Kim Tuyền	6100144278	445,569
215	Nguyễn Thành Long	6101230473	155,007
216	Trần Thị ánh Sao	6100243864	343,736
217	Nguyễn Ngọc Bảo	6101232174	160,929
218	Dương Thị Phụng	6100225664	699,549
219	Nguyễn Tươi	6101162576	274,334
220	Trần Văn Cao Sang	6100504393	309,754
221	Ngô Thị Hoa	6100240454	228,785
222	Đỗ Thị Thanh Nhân (Ngân Phố Núi)	8498555558	220,293
223	Hà Thị Kim Liên	6100141277	200,463
224	Chu Minh Doãn	6100493127	189,034
225	Phan Thị Mỹ Quang	6100204375	170,719

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
226	Nguyễn Ngọc Văn (NGON HẢI SẢN QUÁN)	6101242944	134,276
227	Nguyễn Thị Phương	6101172824	120,121
228	Nguyễn Văn Nhất	6100464172	115,798
229	Trần Thị Phương Thảo	6100698452	83,606
230	Dương Bồi Anh	6100104229	81,036
231	Mai Thị Xuân Liên	6101180134	354,942
232	Phạm Thị Mỹ Phương	6101240383	41,356
233	Đoàn Văn Dũng	8347029842	574,532
234	Mai Nguyễn Nhã Uyên	6100201367	18,526,268
235	Nguyễn Thị Liên	6100804742	13,044,698
236	Trần Diên	6101161974	20,256,268
237	Phan Minh Hậu	8063143982	5,893,068
238	Phạm Văn Tường	6100859741	5,838,450
239	Trần Văn Nhung	6101166796	2,581,916
240	Lê Thị Thanh Hiền	6101226420	1,801,310
241	Trần Trọng Đầu	6100233947	4,253,030
242	Nguyễn Hải Lưu	6100227277	3,913,959
243	Lê Thị Diệu	6100626352	373,717
244	Trịnh Thiên Tường	8247626330	804,983
245	Đoàn Thị Đoan Thảo	6101219945	572,353
246	Nguyễn Thiện Chiến	6101224818	449,029

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
247	Nguyễn Long	6100200973	1,272,604
248	Đặng Thị Kim ánh	6100140065	1,060,712
249	Huỳnh Thị Kim Ngọc	8159418973	2,032,929
250	Lê văn Ngọc	6100228859	763,560
251	Phạm Đình Phùng	6100244642	1,765,566
252	Nguyễn Hoàng Khải	8324178492	1,683,190
253	Nguyễn Thị Trang Đài	6101210082	382,200
254	Phạm Thị Hiền	6100315798	471,050
255	Phạm Thuy Trâm	6100227252	417,911
256	Trần Thị Minh Hiếu	6100220070	285,776
257	Nguyễn Đức Thành	6101212788	145,091
258	Nguyễn thị Nghiệm	6100228841	241,794
259	Lê Thị Hồng Mai	6100100721	550,048
260	Hoàng Thị Kim Vân	6100516712	206,157
261	Nguyễn thị Kim Phụng	6100240408	518,112
262	Nguyễn Thị Bát	6100236779	115,557
263	Ngô Thị Thanh Thủy	6100391118	1,146,622
264	Trương Văn Doãn	6100210033	1,079,806
265	Trần Minh Khôi	8453352212	392,070
266	Phùng Lê Quốc Trung	6100668426	445,410
267	Nguyễn Thị Bích Hồng	6100599571	110,441

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
268	Đặng Thị Vân Anh	6100818840	220,921
269	Trần Văn Nhượng	6100168254	57,596
270	Hải Yến (Nguyễn Thị Yến)	6101245744	107,217
271	Hồ Văn Hùng	6101213622	655,555
272	Hoàng Thị Bích Loan	6101165400	509,625
273	Trần Thị Thu Phương (Hải Sản Đất Quảng)	6101243433	4,044,737
274	Nguyễn Thị Thùy Linh	8059574714	2,039,322
275	Phan Thị Lành	6100240461	361,794
276	Nguyễn Hoàng	6100697000	153,990
277	Bùi Thị Thủy	8067827214	500,040
278	Nguyễn Ngọc Long	8403282866	241,270
279	Phạm Thị Nhung	6100180082	566,181
280	Huỳnh Văn Tiến	6100188356	1,514,151
281	Nguyễn Ngọc Hạnh	6100223681	3,884,284
282	Nguyễn Thị Phương Thảo	6100927800	3,491,706
283	Nguyễn Văn Dưới	6101056747	278,313
284	Cao Vi Ngân	6101182413	60,253
285	Đỗ Thị Xuân Cẩm	8198339958	9,628,548
286	Nguyễn Quỳnh Nhuân	8286229263	2,704,275
287	Nguyễn Thị Thu Huyền	6100201141	1,816,926
288	Phạm Đình Hùng	6100232189	121,405

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
289	Trương Thị Mến	6100529260	1,564,536
290	Minh Thắng	6100598715	1,616,273
291	Nguyễn Duy Hiệp	6101015765	2,872,727
292	Đoàn Thị Kim Thảo	6101177357	2,119,770
293	Trương Thu Hằng	6101179717	447,336
294	Lê Ngọc Hà	6101199488	235,568
295	Nguyễn Thừa Quyền	8105601027	839,185
296	Huỳnh Văn Hải	8225847632	855,531
297	Lê Thị Yến	6100136911	2,161,965
298	Nguyễn Hữu Công	6100988151	1,012,104
299	Lê Thị Linh Pha	6101216013	363,438
300	Đinh Hải Trí	8073285785	632,880
301	Lê Doãn Lộc	6100186359	4,835,503
302	Trần Hữu Hiếu	6101187757	1,725,511
303	Nguyễn Thị Thái	6100137545	35,425
304	Phan Thị Hồng Loan	6100222166	4,277,532
305	Nguyễn Thanh Duy	6100598747	3,409,151
306	Huy Phát	6101169846	238,433
307	Võ Hữu Trung	6100137432	300,624
308	Phạm Thị Tâm	6100137640	730,630
309	Phạm Đình Dũng	6100137979	382,988

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
310	Trần Văn Khiêm	6100147543	14,732,408
311	Cao Thị Bạch Thảo	6100201511	172,086
312	Đặng Thị Loan	6101171362	61,609
313	Lê Thị Hải	6100147712	151,974
3	Chi cục Thuế huyện Ngọc Hồi	42	36,200,044
I	Doanh nghiệp, tổ chức	0	-
II	Cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh	42	36,200,044
1	Võ Thị Gái	6100128364	173,300
2	Nguyễn Thị ánh	6100128477	453,609
3	Lê Thị Thọ	6100128533	182,923
4	Lê Thị Lộc	6100129103	1,143,310
5	Nguyễn Hải Nam	6100191221	127,428
6	Nguyễn Thị Hưng	6100191260	1,630,280
7	Nguyễn Thanh Tùng	6100232460	1,597,197
8	Đỗ Thị Thu	6100234605	2,522,136
9	Phan Lê Thị Huyền Trúc	6100249256	632,559
10	Huỳnh Công Bảo	6100249915	77,795
11	Huỳnh Văn Tọa	6100269132	1,514,470
12	Mộc Dân Dụng - Tăng Thị Nhị	6100269929	3,442,251
13	Thái Bình - Phạm Văn Chung	6100278225	235,556
14	Nguyễn Hữu Hạnh	6100278289	1,359,875

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
15	Trịnh Minh Thuận	6100337801	892,850
16	Đặng Thị Minh Ty	6100462626	400,792
17	Trần Văn Hiếu (Nhôm kính Long)	6100535761	255,000
18	Hoàng Ngọc Hưng	6100610592	62,130
19	Nguyễn Thị Đạo	6100627525	439,800
20	Võ Kim Thành	6100935223	301,601
21	Nguyễn Thị Cát	6100965080	979,745
22	Nguyễn Thị Thuý	6100995215	2,696,858
23	Nguyễn Thị Thanh Hương	6101019022	261,174
24	Hàn Thị Phương	6101019061	297,336
25	Nguyễn Chu Vượng	6101021053	666,444
26	Đinh Văn Thức	6101057518	2,544,271
27	Thân Văn Thắng	6101074224	1,638,688
28	Hồ Văn Phong	6101120287	433,580
29	Ngô Dương Sơn	6101161325	345,077
30	Hoàng Văn Nam	6101168592	802,604
31	Nguyễn Bá Hân	6101177445	2,188,203
32	Phan Thị Hiền	6101211375	1,427,850
33	Nguyễn Thị Hoa	6101213799	676,770
34	Hồ Sỹ Hùng	6101214143	349,170
35	Nguyễn Thị Thanh Thủy	6101216542	564,615

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
36	Huỳnh Công Hoan	6101231276	103,034
37	Nguyễn Đình Hùng	6101232329	129,465
38	Vũ Ngọc Phương	6101234781	1,018,421
39	Nguyễn Quốc Việt	6101243842	285,552
40	Trần Văn Quyết	8124752776	93,289
41	A BRái	8277337706	421,163
4	Chi cục Thuế khu vực số 02- Đắk Hà	50	33,088,342
I	Doanh nghiệp, tổ chức	0	
II	Cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh	50	33,088,342
1	Trần Văn Hùng	6100131896	217,892
2	Lê Thị Thuỳ	6100146074	572,781
3	Lê Đức Thanh	6100199220	507,331
4	Trần Huy Tân	6100212640	2,479,677
5	Nguyễn Trọng Huy	6100255972	1,285,376
6	Nguyễn Thị Ngân	6100263035	1,226,611
7	Hoàng Xuân Đại	6100463108	1,441,420
8	Đoàn Thị Phượng	6100465320	266,637
9	Nguyễn Thị Mậu	6100477767	158,490
10	Phạm Thị Hạnh	6100599973	1,536,913
11	Nguyễn Thị Ngô	6100846051	564,471
12	Nguyễn Thị Huyền	6100918034	798,011

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
13	Trương Thị Lanh	6100941812	399,751
14	Ngô Quang Tình	6100967433	455,700
15	Đỗ Lê Trung	6100986080	609,144
16	Phạm Ngọc Linh	6101010492	4,122,130
17	Nguyễn Thị Phương	6101155875	385,141
18	Nguyễn Thị Diễm	6101181882	1,120,840
19	Đỗ Mạnh Cường	6101182124	899,878
20	Hà Thị Hải	6101187605	178,035
21	Phan Thị Trường Luật	8003706870	140,631
22	Phạm Nhâm	8008248342	535,498
23	Nguyễn Văn Bốn	8015302914	801,350
24	Đậu Văn Hòe	8149916176	1,751,542
25	Nguyễn Trọng Đáng	8186979350	951,244
26	Đỗ Văn Hào	8335734141	242,288
27	Phạm Văn Cường	8360275981	355,674
28	Lê Cao Cường	8398350980	17,503
29	Nguyễn Thị Lan	8427829058	93,472
30	Nguyễn Thị Liên	6100591526	631,167
31	Nguyễn Thị Loan	6100997910	113,747
32	Hoàng Thị Nhung	6100999756	286,662
33	Lưu Xuân Vịnh	6101171997	490,383

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
34	Lưu Ngọc Khởi	8160271845	544,936
35	Hoàng Thị Thảo	6100413185	137,791
36	Nguyễn Thuý Linh	6100847866	1,672,815
37	Võ Quang Thụ	6100995906	474,797
38	Nguyễn Ngọc Tất	6101194264	1,031,652
39	Võ Tá Tiến	6101206801	182,086
40	Nông Thị Hoà	6100996603	106,720
41	Đỗ Đình Thông	8298529367	183,545
42	Hà Thị Trà My	6101191150	629,299
43	Dịch vụ môi trường đô thị Đắk Hà	8124231244	515,811
44	Vũ Xuân Toàn	8296109543	191,334
45	Thiều Thị Thúy	6101227343	561,521
46	Đại lý ga Thủy Chương	6101189137	85,371
47	Dương Ngọc Bằng	8466780430	60,462
48	Vi Văn Hòa	6100886209	265,221
49	Nguyễn Văn Nghĩa	6101181441	716,958
50	Phạm Thị Tuyết	6101172743	90,633
5	Chi cục Thuế khu vực số 02- Đắk Tô	136	72,199,455
I	Doanh nghiệp, tổ chức	0	-
II	Cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh	136	72,199,455
1	Phạm Trường Giang	6100778348	7,885,404
2	Bùi Văn Phẩm	6100780072	623,757

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
3	Huỳnh Ngu	6100232397	1,866,271
4	Nguyễn Văn Quán	6100270378	851,243
5	Hà Thị Hải Hậu	6100300368	390,051
6	Lê Thị Thu Hồng	6100943961	465,975
7	Lưu Văn Định	6101168433	755,664
8	Trần Tự Đức	6101168440	902,475
9	Vương Thị Diễm	6100124377	2,640,535
10	Lê Mỹ Lương	6100171761	1,248,772
11	Đoàn Phước Hai	6100221349	1,118,293
12	Nguyễn Hữu Trí	6100226347	426,482
13	Đàm Thị Thảo	6100246664	1,216,435
14	Nguyễn Thị Phương Thảo	6101050424	2,745,966
15	Lê Văn Đồng	6101073171	1,059,540
16	Hoàng Thị Thắm	6101164911	763,183
17	Trương Thị Tám	6101168112	74,556
18	Trần Thanh Minh	6101219423	746,355
19	Trương Quốc Linh	6101249160	319,198
20	Nguyễn Long Thọ	8223254884	223,668
21	Đặng Thị Huyền Trang	8358189735	207,148
22	Nguyễn Hoài Thương	8476123755	179,487
23	Nguyễn Đình Sinh	6100220962	1,127,034

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
24	Trần Giang Vũ	6100240101	1,041,262
25	Phạm Ngọc Bảo	6100314931	509,466
26	Lê Hải Nguyên	6100315766	43,491
27	Trần Thị Kim Lành	6100393154	31,065
28	Võ Thị Thu Hà	6100417341	186,390
29	Nguyễn Văn Phương	6100469163	55,917
30	Trần Thị Kim Anh	6100822646	152,490
31	Vũ Anh Dương	6101120110	186,390
32	Võ Thị Phương Thảo	6101168391	560,526
33	Nguyễn Hữu Đạt	8047004050	204,734
34	Trần Minh Huy	6101234679	74,168
35	Nguyễn Thị Vinh	6100363093	111,834
36	Lê Hòa Thuận	6101202074	1,808,698
37	Nguyễn Thị Thanh	6101203222	51,330
38	Triệu Thị Đào	6100225978	755,505
39	Nguyễn Thị Nhâm	6100126381	621,300
40	Trần Thị Nga	6100145426	618,991
41	Diệp Thị Thanh	6100171881	291,021
42	Tạ Phi Hổ	6100527947	1,089,663
43	Trần Thị Cẩm Vân	6100552301	149,112
44	Bùi Thị Mai	6100586396	153,990

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
45	Lê Thị Tâm	6100596404	958,018
46	Nguyễn Thị Vui	6100608949	153,990
47	Hà Thị Kha	6100609170	153,990
48	Bùi Thị Ngọc	6100609205	48,380
49	Bùi Thị Cúc	6100609364	51,330
50	Trần Thị Như Ngà	6100623841	229,881
51	Không Thị Suy	6100645517	1,062,423
52	Lê Phạm Công	6100823456	43,491
53	Huỳnh Văn Sự	6100829874	102,491
54	Trần Văn Duy	6100984439	347,928
55	Nguyễn Thị Thuý Hồng	6101044540	340,849
56	Bùi Thị Quang	6101050463	153,990
57	Lê Thị Thùy Dương	6101050488	153,990
58	Nguyễn Thị Oanh	6101050544	186,390
59	Trần Thụy Quỳnh Ngân	6101059963	392,988
60	Bùi Ty	6101073213	153,990
61	Trịnh Thị Dục	6101073252	51,330
62	Trần Văn Bân	6101075549	93,195
63	Huỳnh Thị Dung	6101075563	51,330
64	Trần Thị Hương	6101079871	51,330
65	Hà Thị Hồng	6101084737	133,610

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
66	Nguyễn Xuân Vĩ	6101090579	3,578,688
67	Phan Thị Thoa	6101105553	62,130
68	Nguyễn Văn Quang	6101197360	316,845
69	Nguyễn Đăng Lịch	6101237253	78,732
70	Vũ Hữu Hà	6101237359	203,629
71	Trần Phương Dũng	6100253929	394,159
72	Nguyễn Thị Quý	6101124475	195,725
73	Nguyễn Văn Nhân	6101156283	403,845
74	Lê Văn Hoàn	6101164326	1,509,289
75	Vũ Đình Tuyên	6101171073	279,418
76	Phạm Thanh Bình	6101055461	250,557
77	Trương Văn Dũng	6101160498	136,146
78	Bùi Thị Liễu	8203913232	45,927
79	Thiều Sỹ Hoàng	6101190284	384,975
80	Huỳnh Bá Lợi	6101204314	21,435
81	Phan Thị Hà Thanh	6100591290	914,912
82	Lương Thị Mộng Hà	6100609124	154,947
83	Phạm Thị Kim Hạnh	6101242503	500,407
84	Đoàn Phước Dũng	6101022233	380,145
85	Nguyễn Thị Tâm	6100124433	166,030
86	Phạm Văn Minh	6100125620	911,286

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
87	Nguyễn Xuân Phước	6100244561	1,027,885
88	Lê Thị Thu Hồng	6100251840	830,379
89	Đỗ Thanh Trúc	6100157728	486,252
90	Phùng Văn Hồng	6100157767	266,590
91	Y Phiến	6100932536	238,575
92	Nguyễn Thị Hà	8004769707	186,390
93	Trần Văn Phóng	6100931229	118,047
94	Trần Thị Ngọc Diện	6100228739	597,557
95	Châu Thị Kim Sự	6101158989	245,157
96	Lê Thị Chín	6100472342	55,917
97	A Hạnh	6100200003	9,446
98	Dương Văn Kiều	6100962604	495,000
99	Dương Văn Minh	6100984855	950,460
100	Lê Thị Thương	6101090508	455,905
101	Y Pheo	6101157255	578,908
102	Trương Văn Là	8235846765	177,138
103	Đào Văn Tuyên	8509901851	178,704
104	Nguyễn thị Dương	6100127716	244,788
105	Nguyễn Thị Hồng Vân	6100472247	872,343
106	Đặng Thị Lan	6101174469	375,317
107	Huỳnh Thị Kim Chung	6100403349	166,574

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
108	Lê Quang Cường	6100239226	592,274
109	Phan Thị Thanh Xuân	6101169613	223,668
110	Thái Thị Trinh	6101170496	920,655
111	Cao Thị Tường	6101187267	359,523
112	Trần Thị Dung	6101188648	401,298
113	Trần Thị Thu Hòa	6101211495	143,083
114	Nguyễn Kim Hùng	6101216574	64,985
115	Phạm Hà Quốc Đạt	8279891853	334,800
116	Phạm Văn Tân	8348667460	281,562
117	Nguyễn Thị Hằng	6100203692	776,221
118	Lê Thị Nga	6100269735	186,390
119	Hà Thị Hường	6100460587	113,768
120	Lê Thị Xuân	6100871876	124,260
121	Đặng Thị Kim Chi	6101159693	141,043
122	Đào Duy Xoan	6101180991	468,114
123	Bùi Thị Diễm	6101206921	436,662
124	Trần Minh Trình	6100818470	1,724,834
125	Trương Ngọc Đường Huyền	6100642731	173,964
126	Mai Thị Oanh	6101047679	74,713
127	Nguyễn Văn Tuyên	8440303465	651,104
128	Bùi Thanh Trung	6100239642	1,576,869

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ
129	Trần Thị Ly	6100252185	91,943
130	Hồ Thị Thúy Duyên	6100332190	365,445
131	Nguyễn Thị Mai	6100524174	155,356
132	Trần Thị Kiều Diễm	6100845964	84,762
133	Đinh Thị Thủy	6101237937	73,392
134	Phan Thị Hiệp	6101233763	155,880
135	Lê Thị Nguyệt Trang	6100945260	273,099
136	Nguyễn Thị Hiền	6101195483	333,480